

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hương
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Minh Ngân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ*** tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/ 2022/TLST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2022; về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88 /2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2022/QĐST-DS, ngày 23 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TM Ngoại thương VN ;

Địa chỉ: 1 Trần Quang Kh, phường Lý Thái T quận Hoàng K, TP.HN;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị VC;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền số: 636/UQ – VCB –PC ngày 15/10/2021 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lệ A – chức vụ: Phó Trưởng phòng giao dịch Đức Ph (Theo Văn bản ủy quyền số 56/UQ – NHNT – NQg ngày 09/3/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP ngoại thương VN - Chi nhánh Quảng Ngãi)

Địa chỉ: Số 266 Nguyễn Ng, Phường Nguyễn Ng, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1968, bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thạch B, phường Phổ Th, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg; bà S, ông H đều vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Minh S – sinh năm 1970, bà Trần Thị S – sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thạch B, phường Phổ Th, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg;

- Anh Hồ Thanh L - sinh năm 1993

- Chị Hồ Thị Thanh X – sinh năm 1996

- Anh Hồ Thanh H – sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thạch B, phường Phổ Th, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg;
Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng th V N trình bày: Ngày 21/6/2017, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 555/2017/NHNT.ĐP để vay số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) với mục đích vay: Thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy sản xa bờ. Thời hạn vay: 84 tháng; Thời hạn rút vốn: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; Trả nợ gốc: Trả nợ gốc 03 tháng/lần, trả trong 27 kỳ, số tiền gốc trả từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 26 là 130.000.000 đồng, kỳ cuối cùng trả số tiền là 120.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại các thời điểm rút vốn là 10,6%/năm. Trong quá trình

vay ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S đã trả được 1.559.867.737 đồng nợ gốc và 758.571.044 đồng tiền lãi.

Tài sản bảo đảm cho dư nợ tín dụng này gồm các tài sản theo các Hợp đồng thế chấp sau:

+ 01 tàu cá số đăng ký QNg-98412-TS của ông Nguyễn Văn H (theo hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 279.01/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/9/2017)

+ 01 tàu cá số đăng ký QNg-98543-TS của ông Nguyễn Văn H (theo hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 402/2018/HĐTC.ĐP ngày 20/08/2018)

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 19 thuộc Xã Phổ Th, huyện Đức Ph, tỉnh QNg (nay là Phường Phổ Th, Thị xã Đức Ph, tỉnh QNg); Diện tích: 277 m² (trong đó: Đất ở: 200 m², Đất trồng cây hàng năm khác: 77 m²); được UBND huyện Đức Ph, tỉnh QNg cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 389433 cấp ngày 08/11/2006, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.00556 là tài sản của ông Hồ Minh S và bà Trần Thị S (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 284/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/06/2017). Ngày 21/06/2017, ông Hồ Minh S và bà Trần Thị S có Giấy cam kết nhà ở cấp 4.A. Số tầng: 01 tầng; xây dựng năm 2010; Kết cấu nhà: Móng đá, tường gạch, nền gạch men, mái tôn XM, cửa gỗ kính; là tài sản của ông S, bà S tạo lập, không có tranh chấp, hiện được dùng để bảo đảm cho toàn bộ nợ vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Quảng Ngãi - Phòng Giao dịch Đức Ph. Hiện nay tài sản này chưa được cấp giấy chứng nhận sở hữu tài sản. Trong trường hợp phải xử lý quyền sử dụng đất, vợ chồng ông bà đồng ý xử lý luôn tài sản là nhà, công trình trên đất để trả nợ cho Ngân hàng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Đức Ph, tỉnh Q Ng buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ 2.388.726.995 đồng; trong đó dư nợ gốc vay là: 1.940.132.263 đồng, nợ lãi vay trong hạn là: 397.380.359 đồng, nợ lãi vay quá hạn là: 51.214.373 đồng (lãi vay tính đến hết ngày 27/9/2022) và yêu cầu tiếp tục tính lãi toàn bộ số tiền trên dư nợ gốc theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 555/2017/NHNT.ĐP ngày 21/6/2017 cho đến khi ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S trả xong khoản nợ trên. Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S không trả số tiền nêu

trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 19, diện tích: 277 m² thuộc Xã Phổ Th, huyện Đức Ph, tỉnh QNg (nay là Phường Phổ Th, Thị xã Đức Ph, tỉnh QNg) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 284/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/06/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 555-05/2017/HĐSD ngày 04/10/2019

+ 01 tàu cá số đăng ký QNg-98412-TS của ông Nguyễn Văn H (theo các hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 279.01/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/9/2017)

+ 01 tàu cá số đăng ký QNg-98543-TS của ông Nguyễn Văn H (theo hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 402/2018/HĐTC.ĐP ngày 20/08/2018)

Cùng các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số: 555-01/2017/HĐSD ngày 21/9/2017, số: 555-02/2017/HĐSD ngày 28/9/2017, số: 555-03/2018/HĐSD ngày 14/8/2018, số: 555-04/2018/HĐSD ngày 20/8/2018.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S phải thanh toán lại cho Ngân hàng chi phí tố tụng mà Ngân hàng đã tạm ứng, tất toán xong với tổng số tiền là: 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Tại bản tự khai ngày 27/5/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Ngày 21/6/2017, bà cùng chồng là ông Nguyễn Văn H ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 555/2017/NHNT.ĐP vay với số tiền 3.500.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) với mục đích vay: Thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy sản xa bờ. Thời hạn vay: 84 tháng, lãi suất 10,6%/năm. Trong quá trình vay bà và ông Nguyễn Văn H đã trả được 1.559.867.737 đồng nợ gốc và 758.571.044 đồng tiền lãi. Để đảm bảo khoản vay ông Hồ Minh S và bà Trần Thị S đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 168, tờ bản đồ số 19, diện tích: 277 m² thuộc Xã Phổ Th, huyện Đức Ph, tỉnh QNg (nay là Phường Phổ Th, Thị xã Đức Ph, tỉnh QNg) là tài sản của ông Hồ Minh S và bà Trần Thị S theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 284/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/06/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 555-05/2017/HĐSD ngày 04/10/2019. Ngoài ra ông Nguyễn Văn H đã ký Hợp đồng

thế chấp 02 tàu cá số đăng ký QNg-98412-TS và tàu cá số đăng ký QNg-98543-TS

Bà Nguyễn Thị S thừa nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Nt VN số tiền gốc, lãi tính như đơn khởi kiện của nguyên đơn và vợ chồng bà nhận nghĩa vụ trả số nợ này cho Ngân hàng. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà chưa có tiền trả cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả tiền nợ gốc và lãi thì vợ chồng bà đồng ý trả, nhưng trả dần. Trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 26/8/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S trình bày: vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S có nhờ bà và chồng là ông Hồ Văn S thế chấp tài sản là 01 quyền sử dụng đất và công trình trên đất là nhà tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 19, diện tích: 277 m² thuộc phường Phổ Th, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg do bà và ông S chủ sở hữu để đảm bảo khoản vay vợ chồng ông H bà S theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 555/2017/NHNT.ĐP ngày 21/6/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần NtVN và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S; trên đất có nhà của bà và ông S. Hiện nay ông H, bà S còn nợ tiền vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN. Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S không trả được nợ thì vợ chồng bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thị xã Đức Ph đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh S, anh Hồ Thanh L, chị Hồ Thị Thanh X, anh Hồ Thanh H nhưng các đương sự này không có văn bản trình bày ý kiến đồng thời không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Ph tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh S, anh Hồ Thanh L, chị Hồ Thị Thanh X, anh Hồ Thanh H chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa

vụ trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN số tiền nợ gốc vay là: 2.388.726.995 đồng; trong đó dư nợ gốc vay là: 1.940.132.263 đồng, nợ lãi vay trong hạn là: 397.380.359 đồng, nợ lãi vay quá hạn là: 51.214.373 đồng (lãi vay tính đến hết ngày 27/9/2022) và bị đơn tiếp tục trả lãi đối với số tiền trên dư nợ gốc kể từ ngày 28/9/2022 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 555/2017/NHNT.ĐP ngày 21/6/2017 cho đến khi ông H, bà S trả xong khoản nợ trên. Trường hợp ông H, bà S không trả số tiền nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S cùng cư trú ở tổ dân phố Thạch B, phường Phổ Th, thị xã Đức Ph, tỉnh QNg. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Ph, tỉnh QNg.

[1.2] Về tố tụng: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn văn H, bà Nguyễn Thị S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Minh S, anh Hồ Thanh L, chị Hồ Thị Thanh X, anh Hồ Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bà Trần Thị S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 555/2017/NHNT.ĐP ngày 21/6/2017 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN và bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S với số tiền vay là 3.500.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) với mục đích vay: Thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy sản xa bờ; Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và

có lỗi theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng trình tự của pháp luật về tín dụng ngân hàng. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3.2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán: Theo trình bày của đương sự và đối chiếu tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN đã giải ngân cho bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S nhận số tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 3.500.000.000 đồng. Trong quá trình vay ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S đã trả được 1.559.867.737 đồng nợ gốc. Tính đến hết ngày 28/9/2022, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S còn nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN số tiền nợ gốc là 1.940.132.263 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.940.132.263 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chưa thanh toán:

Từ khi vay cho đến nay ông H, bà S đã trả 758.571.044 đồng lãi vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 555/2017/NHNT.ĐP ngày 21/6/2017. Từ khi ông H, bà S không trả gốc, lãi cho Ngân hàng; Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại sang nợ quá hạn. Nguyên đơn đã áp dụng nhiều biện pháp thông báo, đôn đốc nhưng bị đơn không trả tiền lãi trong nhiều tháng, nhiều kỳ liên tiếp và các bên không thoả thuận về việc gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Ngân hàng đã chuyển phần dư nợ gốc đến hạn thanh toán của Hợp đồng tín dụng nhưng không được ông H, bà S thanh toán sang nợ quá hạn. Vì vậy tổng số tiền lãi tính đến hết ngày 27/9/2022 ông H, bà S chưa thanh toán cho Ngân hàng nợ lãi vay trong hạn là: 397.380.359 đồng, nợ lãi vay quá hạn là: 51.214.373 đồng. Ông H, bà S còn phải chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 555/2017/NHNT.ĐP ngày 21/6/2017 kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán xong. Vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn bà Nguyễn Thị S công nhận số tiền gốc và lãi còn nợ của nguyên đơn, nhưng bà S xin được trả dần nợ gốc và lãi, đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị đơn trả nợ dần..

[4] Xét các Hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[4.1] Về giá trị hiệu lực của Hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 284/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/06/2017: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 19 thuộc Xã Phổ Th, huyện Đức Ph, tỉnh QNg (nay là Phường Ph Th, Thị xã Đức Ph, tỉnh QNg); Diện tích: 277 m² (trong đó: Đất ở: 200 m², Đất trồng cây hàng năm khác: 77 m²) là tài sản của ông Hồ Minh S và bà Trần Thị S và Giấy cam kết tài sản trên đất ngày 21/06/2017.

Hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 279.01/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/9/2017: 01 tàu cá số đăng ký QNg-98412-TS của ông Nguyễn Văn H

Hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 402/2018/HĐTC.ĐP ngày 20/08/2018: 01 tàu cá số đăng ký QNg-98543-TS của ông Nguyễn Văn H

Các bên đương sự đều thừa nhận tại thời điểm thế chấp thửa đất thế chấp thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Hồ Minh S, bà Trần Thị S và 02 tàu cá thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn H. Xét thời điểm giao kết các Hợp đồng thế chấp, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, nên các Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý.

[4.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 19 thuộc Diện tích: 277 m² (trong đó: Đất ở: 200 m², Đất trồng cây hàng năm khác: 77 m²) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 284/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/06/2017. Các bên đương sự thống nhất đây là tài sản bảo đảm cho các khoản vay tín dụng; trường hợp bị đơn không trả được nợ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý giao tài sản để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Nên việc Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp trên trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng đã thanh toán xong nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận; buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Ph phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 79.774.500 đồng (72.000.000 đồng + (388.726.995 đồng x 2%)

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 323, 325, 463, 466, 468, 470, 500, 501, 502 và 503 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN số tiền nợ gốc vay là: 1.940.132.263 đồng, nợ lãi vay trong hạn là: 397.380.359 đồng, nợ lãi vay quá hạn là: 51.214.373 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc và lãi tính đến hết ngày 27/9/2022 là: 2.388.726.995 đồng (*hai tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng*). Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 28/9/2022 trên số tiền dư nợ gốc còn lại theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 555/2017/NHNT.ĐP ngày 21/6/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 19 thuộc Xã Phổ Th, huyện Đức Ph, tỉnh QNg (nay là Phường PhTh, Thị xã Đức Ph, tỉnh QNg) là tài sản của ông Hồ Minh S và bà Trần Thị S

+ 01(một) tàu cá số đăng ký QNg-98412-TS

+ 01 (một) tàu cá số đăng ký QNg-98543-TS

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 168, tờ bản đồ số 19 thuộc Xã Phổ Th lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho ông Hồ Minh S, bà Trần Thị S

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp là tàu cá số đăng ký QNg-98412-TS và tàu cá số đăng ký QNg-98543-TS lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho ông Nguyễn Văn H.

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cổ phần Ngoại Thương VN thì ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN cho đến khi trả xong nợ.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S cùng phải chịu 79.774.500 đồng (*bảy mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.614.000 đồng (*ba mươi tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng*) theo biên lai số 0002181 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Ph.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương VN số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Trung

